**Ngữ Văn 9**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần**  **(1)** | | **Tiết**  **(2)** | **Bài học/Chủ đề**  **(3)** | **Số tiết**  **(4)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(4)** | **Nội dung theo cv 3280 và Bổ trợ kiến thức** |
|  | |  | **HỌC KÌ I**  18 tuần = 90 tiết (trong đó có 8 tiết gồm: ôn tập, KT, trả bài KT giữa kì, cuối kì) |  |  |  |
| **1** | |  | **Phong cách Hồ Chí Minh** | **2** | **1. Kiến thức:**  - Một số biểu hiện của phong cách Hồ Chí Minh trong đời sống và trong sinh hoạt.  - Ý nghĩa của phong cách Hồ Chí Minh trong việc giữ gìn bản sắc bản sắc văn hóa dân tộc.  - Đặc điểm của kiểu bài nghị luận xã hội qua một đoạn văn cụ thể.  **2. Kĩ năng**  - Nắm bắt nội dung văn bản nhật dụng thuộc chủ đề hội nhập với thế giới và bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc.  - Vận dụng các biện pháp nghệ thuật trong việc viết văn bản về một một vấn đề thuộc lĩnh vực văn hóa, lối sống.  **3. Thái độ**:  - Giáo dục học sinh học tập theo phong cách Hồ Chí Minh  **4. Năng lực**: năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề  **5. Nội dung tích hợp:** kĩ năng sống, tư tưởng HCM, GDANQP- giới thiệu một số hình ảnh về CTHCM |  |
| **2** |  | | **Các phương châm hội thoại** | **1** | **1. Kiến thức:** Nội dung phương châm về lượng, phương châm về chất.  **2. Kĩ năng**  - Nhận biết và phân tích được các cách sử dụng phương châm về lượng, phương châm về chất trong một tình huống giao tiếp cụ thể.  - Vận dụng phương châm về lượng, phương châm về chất trong hoạt động giao tiếp.  **3. Thái độ:**  - Giáo dục học sinh biết vận dụng các phương châm hội thoại trong giao tiếp thể hiện là người có văn hóa  **4. Năng lực:** năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề  **5. Nội dung tích hợp:** kĩ năng sống |  |
| **3** | |  | **Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh** | **1** | **1.** **Kiến thức:**  - Văn bản thuyết minh và các phương pháp thuyết minh thường dùng.  - Vai trò của các biện pháp nghệ thuật trong bài văn thuyết minh.  2**.** **Kĩ năng:**  - Nhận ra các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các VB thuyết minh. .  - Vận dụng các biện pháp nghệ thuật khi viết văn thuyết minh. .  **3. Thái độ:** Có ý thức đưa các biện pháp nghệ thuật vào cho bài văn thuyết minh thêm sinh động.  **4. Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác. |  |
| **4** | | | **Luyện tập sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh** | **1** | 1**.** **Kiến thức:**  - Cách làm bài thuyết minh về một thứ đồ dùng ( cái quạt, cái bút, cái kéo...)  - Tác dụng của một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh.  2**.** **Kĩ năng:**  - Xác định yêu cầu của đề bài văn thuyết minh về một đồ dùng cụ thể.  - Lập dàn ý chi tiết và viết phần Mở bài cho bài văn thuyết minh (có sử dụng một số biện pháp nghệ thuật) về một đồ dùng.  **3. Thái độ:**  Có ý thức đưa các biện pháp nghệ thuật vào cho bài thuyết minh thêm sinh động.  **4. Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác | ***\* BSKT : Thuyết minh được về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh hoạ.*** |
| **5** | | | **Đấu tranh cho một thế giới hoà bình** | **2** | **1.** **Kiến thức:**  - Một số hiểu biết về tình hình thế giới những năm 1980 liên quan đến văn bản.  - Hệ thống luận điểm, luận cứ, cách lập luận trong văn bản.  **2.** **Kĩ năng:**  - Đọc – hiểu văn bản nhật dụng bàn luận về một vấn đề liên quan đến nhiệm vụ đấu tranh vì hòa bình của nhân loại.  **3. Thái độ:**  Biết thể hiện thái độ chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hòa bình trên thế giới.  **4. Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.  **5. Nội dung tích hợp:** kĩ năng sống, tư tưởng HCM, môi trường, GDQP-mức độ tàn phá của chiến tranh của bom nguyên tử. | ***\* BSKT:***  ***- Nghĩa và cách dùng tên viết tắt của các tổ chức quốc tế quan trọng.***  ***- Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ,...*** |
| **6** | | | **Các phương châm hội thoại (tt)** | **1** | **1.** **Kiến thức:** Nội dung phương châm quan hệ, phương châm cách thức, phương thức lịch sự.  **2.** **Kĩ năng:**  - Vận dụng phương châm quan hệ, phương châm cách thức, phương thức lịch sự trong hoạt động giao tiếp.  - Nhận biết và phân tích được cách sử dụng phương châm quan hệ, phương châm cách thức, phương thức lịch sự trong một tình huống giao tiếp.  **3. Thái độ:** HS biết vận dụng các PC hội thoại trong giao tiếp thể hiện là người có văn hóa  **4. Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy.  **5. Nội dung tích hợp:** kĩ năng sống |  |
| **7** | | | **Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh** | **1** | **1. Kiến thức:**  **-** Tác dụng củayếu tố miêu tả trong văn thuyết minh: làm cho đối tượng thuyết minh hiện lên cụ thể, gần gũi, dễ cảm nhận được hoặc nổi bật, gây ấn tượng.  -Vai trò của miêu tả trong văn bản thuyết minh: phụ trợ cho việc giới thiệu nhằm gợi lên hình ảnh cụ thể của đối tượng cần thuyết minh.  **2. Kĩ năng:**  **-** Quan sát các sự vật, hiện tượng.  - Sử dụng ngôn ngữ miêu tả phù hợp trong việc tạo lập văn bản thuyết minh.  **3. Thái độ:** Có ý thức sử dụng yếu tố miêu tả vào cho bài văn thuyết minh.  **4. Năng lực:**  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề  - Năng lực sáng tạo |  |
| **8** | | | **Luyện tập sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh** | **2** | **1. Kiến thức:**  **-** Những yếu tố miêu tả trong bài văn thuyết minh.  -Vai trò của yếu tố miêu tả trong bài văn bản thuyết minh.  **2. Kĩ năng:**  Viết đoạn văn, bài văn thuyết minh sinh động, hấp dẫn có sử dụng yếu tố miêu tả  **3. Thái độ:** Có ý thức sử dụng yếu tố miêu tả vào cho bài văn thuyết minh.  **4. Năng lực:**  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề  - Năng lực sáng tạo | ***\* BSKT : Thuyết minh được về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh hoạ.*** |
| **9** | | | **Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em** | **2** | **1. Kiến thức:**  **-** Thực trạng cuộc sống trẻ em hiện nay, những thách thức, cơ hội và nhiệm vụ của chúng ta.  - Những thể hiện của quan điểm về vấn đề quyền sống, quyền được bào vệ và phát triển của trẻ em ổ Việt Nam.  **2. Kĩ năng:**  **-** Nâng caomột bước kĩ năng đọc – hiểu một văn bản nhật dụng.  - Học tập phương pháp tìm hiểu, phân tích trong tạo lập văn bản nhật dụng.  - Tìm hiểu và biết được quan điểm của Đảng , nhà nước ta về vấn đề được nêu trong văn bản.  **3. Thái độ:** Có ý thức tìm hiểu và biết được quan điểm của Đảng , nhà nước ta về vấn đề được nêu trong văn bản  **4. Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.  **5. Nội dung tích hợp:** Kĩ năng sống | ***\* BSKT: Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự.*** |
| **10** | | | **Các phương châm hội thoại (tt).** | **2** | **1. Kiến thức:**  - Mối quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp.  - Những trường hợp không tuân thủ PCHT.  **2. Kĩ năng:**  - Lựa chọn đúng PCHT trong quá trình giao tiếp.  - Hiểu đúng nguyên nhân của việc không tuân thủ các PCHT.  3**. Thái độ:**  - Giáo dục học sinh biết lựa chọn đúng PCHT trong quá trình giao tiếp.hiện là người có văn hóa.  **4. Năng lực:** năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề |  |
|  | | | Xưng hô trong hội thoại |  |  | ***(Khuyến khích HS tự học)*** |
| **11** | | | **Chuyện người con gái Nam Xương** | **2** | **1.** **Kiến thức:**  **-** Cốt truyện, nhân vật, sự kiện trong một tác phẩm truyện truyền kì.  - Hiện thực về số phận người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ cũ và vẻ đẹp truyền thống của họ.  - Sự thành công của tác giả về nghệ thuật kể chuyện.  - Mối liên hệ giữa tác phẩm và truyện *Vợ chàng Trương.*  **2.Kĩ năng:**  **-** Vận dụng kiến thức đã học để đọc – hiểu tác phẩm viết theo thể loại truyền kì.  - Cảm nhận được những chi tiết nghệ thuật độc đáo trong tác phẩm tự sự có nguồn gốc dân gian. Kể lại được truyện  **3. Thái độ:** Có sự đồng cảm với nỗi bất hạnh của người phụ nữ, lên án các tư tưởng phong kiến lạc hậu  **4. Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy, năng lực thẩm mĩ. | ***\* BSKT:***  ***- Điển tích, điển cố.***  ***- Đặc điểm của truyện trung đại.***  ***- Tiến hành được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn.*** |
|  | | | Luyện tập tóm tắt văn bản tự sự |  |  | **(*Khuyến khích HS tự làm*)** |
| **12** | | | **Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp** | **1** | **1.** **Kiến thức:**  **-** Cách dẫn trực tiếp và lời dẫn trực tiếp.  - Cách dẫn gián tiếp và lời dẫn gián tiếp.  **2.** **Kĩ năng:**  **-** Nhận ra được cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.  - Sử dụng được cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong quá trình tạo lập văn bản.  **3. Thái độ:** Có ý thức sử dụng những lời dẫn trực tiếp và gián tiếp đúng qui định.  **4. Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy |  |
| **13** | | | **Sự phát triển của từ vựng** | **1** | 1. **Kiến thức:**  **-** Sự phát triển và biến đổi nghĩa của từ.  - Hai phương thức phát triển nghĩa của từ.  **2.** **Kĩ năng:**  **-** Nhận biết ý nghĩa của từ ngữ trong các cụm từ và trong văn bản.  - Phân biệt các phương thức tạo nghĩa mới của từ ngữ với các phép tu từ ẩn dụ, hoán dụ.  **3. Thái độ:** Có ý thức sử dụng hai phương thức phát triển nghĩa của từ.  **4. Năng lực:** năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề  **5. Nội dung tích hợp:** môi trường,kĩ năng sống. |  |
| **14** | | | **Sự phát triển của từ vựng (tt)** | **1** | **1**. **Kiến thức:**  **-** Việc tạo từ ngữ mới.  - Việc mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài.  **2.** **Kĩ năng:**  **-** Nhận biết từ ngữ mới được tạo ra và những từ ngữ mượn của tiếng nước ngoài.  - Sử dụng từ ngữ mượn tiếng nước ngoài phù hợp.  **3. Thái độ:** Có ý thức tạo từ ngữ mới và sử dụng từ ngữ mượn tiếng nước ngoài phù hợp.  **4. Năng lực:** năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề. |  |
|  | | | Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh |  |  | ***(Khuyến khích HS tự đọc)*** |
| **15** | | | **Hoàng Lê nhất thống chí (hồi 14)** | **2** | **1. Kiến thức:**  - Những hiểu biết chung về nhóm tác giả thuộc Ngô gia văn phái, về phong trào Tây Sơn và người anh hùng dân tộc Quang Trung– Nguyễn Huệ.  - Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm viết theo thể loại tiểu thuyết chương hồi.  - Một trang sử oanh liệt của dân tộc ta: Quang Trung đại phá 20 vạn quân Thanh, đánh đuổi giặc xâm lược ra khỏi bờ cõi.  **2. Kĩ năng:**  - Quan sát các sự việc được kể trong đoạn trích trên bản đồ.  - Cảm nhận sức trỗi dậy kì diệu của tinh thần dân tộc, cảm quan hiện thực nhạy bén, cảm hứng yêu nước của tác giả trước những sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc.  - Liên hệ những nhân vật, sự kiện trong đoạn trích với những văn bản liên quan.  **3. Thái độ:** Niềm tự hào dân tộc về những trang sử vẻ vang chống giặc ngoại xâm, ý thức giữ gìn nền độc lập.  **4. Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy.  **5.Nội dung tích hợp:** giáo dục quốc phòng an ninh - hình ảnh bộ đội kéo pháo, dân công chở lương thực trong chiến dịch Điện Biên Phủ. |  |
| **16** | | | **Chủ đế tích hợp : Nghệ thuật miêu tả trong Truyện kiều**  **- Truyện Kiều của Nguyễn Du**  **- Chị em Thuý Kiều**  **- Kiều ở lầu Ngưng Bích**  **- Miêu tả trong trong văn bản tự sự**  **- Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự** | **10** | **1. Kiến thức:**  **-** Bước đầu làm quen với thể loại truyện thơ Nôm trong văn học trung đại.  - Hiểu và lí giải được vị trí của tác phẩm *Truyện Kiều* và đóng góp của Nguyễn Du trong kho tàng văn học dân tộc.  **-** Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du.  - Thấy được tài năng, tấm lòng của thi hào dân tộc Nguyễn Du qua một đoạn trích trong *Truyện Kiều.*  **-** Bút pháp nghệ thuật tượng trưng, ước lệ của Nguyễn Du trong miêu tả nhân vật.  - Cảm hứng nhân đạo của Nguyễn Du: ngợi ca vẻ đẹp, tài năng của con người qua một đoạn trích cụ thể.  - Thấy được nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật và tấm lòng thương cảm của Nguyễn Du đối với con người.  - Ngôn ngữ độc thoại  **-** Nỗi bẽ bàng, buồn tủi, cô đơn của Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của nàng.  **-** Hiểu được vai trò của miêu tả trong một văn bản tự sự.  - Vận dụng hiểu biết về miêu tả trong văn bản tự sự để đọc – hiểu văn bản.  **-** Sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong một văn bản.  **-** Hiểu được vai trò, tác dụng của miêu tả và miêu tả nội tâm trong một văn bản tự sự; mối quan hệ giữa nội tâm với ngoại hình trong khi kể chuyện.  - Vận dụng hiểu biết về miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự để đọc – hiểu văn bản.  **2. Kĩ năng:**  **-** Đọc – hiểu một tác phẩm truyện thơ Nôm trong văn học trung đại.  - Nhận ra những đặc điểm nổi bật về cuộc đời và sáng tác của một tác giả văn học trung đại.  **-** Đọc – hiểu một văn bản truyện thơ Nôm trong văn học trung đại.  - Theo dõi diễn biến sự việc trong tác phẩm truyện.  - Có ý thức liên hệ với văn bản liên quan để tìm hiểu về nhân vật.  - Phân tích được một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu cho bút pháp nghệ thuật cổ điển của Nguyễn Du trong văn bản.  **-** Bổ sung kiến thức đọc – hiểu văn bản truyện thơ trung đại.  - Nhận ra và thấy được tác dụng của ngôn ngữ độc thoại, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.  - Phân tích tâm trạng nhân vật qua một đoạn trích trong tác phẩm Truyện Kiều.  - Cảm nhận được sự cảm thông sâu sắc của Nguyễn Du đối với nhân vật trong truyện.  **-** Phát hiện và phân tích được tác dụng của miêu tả trong văn bản tự sự.  - Kết hợp kể chuyện với miêu tả khi làm một bài văn tự sự.  **-** Phát hiện và phân tích được tác dụng của miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự.  - Kết hợp kể chuyện với miêu tả nội tâm nhân vật khi làm bài văn tự sự.  **3. Thái độ:**  - Giáo dục niềm tự hào về giá trị tinh thần của dân tộc đặc biệt là những tác phẩm gía trị. Khơi gợi lòng yêu thích, mê say văn chương  - Yên thương và trân trọng vẻ đẹp, tài năng của con người và đồng cảm với những bất hạnh của người khác.  - Có ý thức đưa yếu tố miêu tả và biểu cảm vào bài văn tự sự  - Biết kết hợp yếu tố miêu tả nội tâm khi viết văn tự sự  **4. Năng lực:**  - Năng lực tự chủ và tự học  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề  - Năng lực sáng tạo  **- Năng lực thưởng thức văn học**  **- Năng lực cảm thụ thẩm mĩ**  - Năng lực Tin học | ***\* BSKT:***  ***- Điển tích, điển cố.***  ***- Một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ Quốc ngữ.*** |
|  | | | Cảnh ngày xuân (trích Truyện Kiều) của Nguyễn Du |  |  | ***(Khuyến khích học sinh tự đọc)*** |
|  | | | Mã Giám Sinh mua Kiều (trích Truyện Kiều) của Nguyễn Du |  |  | ***(Khuyến khích học sinh tự đọc)*** |
|  | | | Thúy Kiều báo ân báo oán (trích Truyện Kiều) của Nguyễn Du |  |  | ***(Khuyến khích học sinh tự đọc)*** |
| **17** | | | **Thuật ngữ** | **2** | **1. Kiến thức:**  - Khái niệm thuật ngữ.  - Những đặc điểm của thuật ngữ.  **2. Kĩ năng:**  - Tìm hiểu ý nghĩa của thuật ngữ trong từ điển.  - Sử dụng thuật ngữ trong quá trình đọc – hiểu và tạo lập văn bản khoa học, công nghệ.  **3. Thái độ:** Có ý thức sử dụng thuật ngữ phù hợp khi tạo lập văn bản.  **4. Năng lực:** năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề  **5. Nội dung tích hợp:** môi trường,kĩ năng sống. |  |
|  | | | Trau dồi vốn từ |  |  | ***(Khuyến khích học sinh tự học)*** |
| **18** | | | **Truyện Lục Vân Tiên** | **1** | **1. Kiến thức:**  **-** Những hiểu biết bước đầu về tác giả Nguyễn Đình Chiểu và tác phẩm *Truyện Lục Vân Tiên.*   * Thể loại truyện thơ lục bát truyền thống của dân tộc qua tác phẩm *Truyện Lục Vân Tiên.* * Những hiểu biết bước đầu về nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm *Truyện Lục Vân Tiên.*   **2. Kĩ năng:**  - Khái quát thông tin.  - Tóm tắt và kể lại chuyện  **3. Thái độ**: Giáo dục học sinh tấm lòng nhân ái, biết quan tâm giúp đỡ người khác khi họ gặp hoạn nạn và giữ gìn đạo đức truyền thống.  **4. Năng lực**: năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực thẩm mĩ, ngôn ngữ, công nghệ thông tin. |  |
| **19** | | | **Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga** | **1** | **1. Kiến thức:**  **-** Những hiểu biết bước đầu về tác giả Nguyễn Đình Chiểu và tác phẩm *Truyện Lục Vân Tiên.*   * Thể loại truyện thơ lục bát truyền thống của dân tộc qua tác phẩm *Truyện Lục Vân Tiên.* * Những hiểu biết bước đầu về nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm *Truyện Lục Vân Tiên.*   **2. Kĩ năng:**  **-** Đọc – hiểu một đoạn trích truyện thơ.  - Nhận diện và hiểu được tác dụng của các từ địa phương Nam Bộ được sử dụng trong đoạn trích.  - Cảm nhận được vẻ đẹp của hình tượng nhân vật theo quan điểm đạo đức mà Nguyễn Đình Chiểu đã khắc họa trong đoạn trích.  **3. Thái độ**: Giáo dục học sinh tấm lòng nhân ái, biết quan tâm giúp đỡ người khác khi họ gặp hoạn nạn và giữ gìn đạo đức truyền thống.  **4. Năng lực**: năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực thẩm mĩ, ngôn ngữ, công nghệ thông tin. |  |
|  | | | Lục Vân Tiên gặp nạn |  |  | ***(Khuyến khích HS tự đọc)*** |
| **20** | | | **Chương trình địa phương - phần Văn**   * **Thống kê các tác giả - tác phẩm viết về Đồng Nai sau 1975**   **Vườn quốc gia Cát Tiên** | **1** | **1. Kiến thức:**  - Sự hiểu biết về các nhà văn, nhà thơ ở địa phương.  - Sự hiểu biết về tác phẩm văn thơ viết về địa phương.  - Những chuyển biến của văn học địa phương sau năm 1975.  **2. Kĩ năng:**  - Sưu tầm, tuyển chọn tài liệu văn thơ viết về địa phương.  - Đọc, hiểu và thầm bình thơ văn viết về địa phương.  - So sánh đặc điểm văn học địa phương giữa các giai đoạn.  **3. Thái độ**: Giáo dục học sinh mở rộng hiểu biết và yêu mến, trân trọng những tác phẩm văn thơ viết về địa phương.  **4. Năng lực**: năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực thẩm mĩ, ngôn ngữ, công nghệ thông tin.  **5. Nội dung tích hợp:** kĩ năng sống. |  |
| **21** | | | **Tổng kết về từ vựng**  (Từ đơn, từ phức… Từ nhiều nghĩa) | **2** | **1. Kiến thức:**  Một số khái niệm liên quan đến từ vựng.  **2. Kĩ năng:** Cách sử dụng từ hiệu quả trong nói, viết, đọc – hiểu và tạo lập văn bản.  **3. Thái độ**: Có ý thức sử dụng từ hiệu quả trong nói, viết, đọc – hiểu và tạo lập văn bản.  **4. Năng lực:** năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực sáng tạo. |  |
| **22** | | | **Tổng kết từ vựng (tt)**  (Từ đồng âm… Trường từ vựng) (tt) | **2** | **1. Kiến thức:**  Một số khái niệm liên quan đến từ vựng.  **2. Kĩ năng:** Cách sử dụng từ hiệu quả trong nói, viết, đọc – hiểu và tạo lập văn bản.  **3. Thái độ**: Có ý thức sử dụng từ hiệu quả trong nói, viết, đọc – hiểu và tạo lập văn bản.  **4. Năng lực:** năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực sáng tạo. |  |
| **23** | | | **Đồng chí** | **2** | **1. Kiến thức:**  - Cảm nhận được vẻ đẹp của hình tượng anh bộ đội được khắc họa trong bài thơ – những người đã viết nên trang lịch sử Việt Nam thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.  - Một số hiểu biết về hiện thực những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta.  - Lí tưởng cao đẹp về tình cảm keo sơn gắn bó làm nên sức mạnh tinh thần của những người chiến sĩ trong bài thơ.  - Đặc điểm nghệ thuật của bài thơ: ngôn ngữ thơ bình dị, biểu cảm, hình ảnh tự nhiên, chân thực.  **2. Kĩ năng:**  **-** Đọc diễn cảm một bài thơ hiện đại.   * Bao quát toàn bộ tác phẩm, thấy được mạch cảm xúc trong bài thơ. * Tìm hiểu một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu, từ đó thấy được giá trị nghệ thuật của chúng trong bài thơ.   **3. Thái độ**: Yêu quý, trân trọng các anh bộ đội.  **4. Năng lực:** năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.  **5. Nội dung tích hợp:** giáo dục QPAN- nêu những vất và, sáng tạo của bộ đội, công an và TNXP trong chiến tranh. | ***\* BSKT:***  ***Đặc điểm của thơ hiện đại.*** |
| **24** | | | **Bài thơ về tiểu đội xe không kính** | **2** | **1. Kiến thức:**  **-** Những hiểu biết bước đầu về nhà thơ Phạm Tiến Duật.  - Đặc điểm của thơ Phạm Tiến Duật qua một sáng tác cụ thể: giàu chất hiện thực và tràn đầy cảm hứng lãng mạn.  - Hiện thực cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước được phản ánh trong tác phẩm; vẻ đẹp hiên ngang, dũng cảm, tràn đầy niềm lạc quan cách mạng,… của những con người đã làm nên con đường Trường Sơn huyền thoại được khắc họa trong bài thơ.  **- Tác hại của chiến tranh tàn phá môi trường.**  **2. Kĩ năng:**  **-** Đọc – hiểu một bài thơ hiện đại.   * Phân tích được vẻ đẹp hình tượng người chiến sĩ lái xe Trường Sơn trong bài thơ. * Cảm nhận được giá trị của ngôn ngữ, hình ảnh độc đáo trong bài thơ.   **- Tìm hiểu ô nhiễm môi trường.**  **3. Thái độ:**  - Yêu quý, trân trọng hình ảnh các anh bộ đội thời kháng chiến chống Mỹ.  **- Lên án những thế lực hiếu chiến đẩy con người phải chịu những ảnh hưởng lớn về môi trường.**  **4. Năng lực:** năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.  **5. Nội dung tích hợp:** môi trường,giáo dục QPAN- nêu những vất và, sáng tạo của bộ đội, công an và TNXP trong chiến tranh. | ***\* BSKT: Tiến hành được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn.*** |
| **25** | | | **Ôn tập giữa kì I** | **1** | **1. Kiến thức**:  - Ôn tập, củng cố kiến thức về Văn học, Tiếng Việt và Tập làm văn từ tuần 1 đến tuần 10 trong chương trình Ngữ văn 9 kì I.  + Nhận diện tác giả, tác phẩm.  + Chỉ ra chi tiết/ hình ảnh/ biện pháp tu từ,... nổi bật trong đoạn trích (thơ/văn xuôi Trung đại).  + Hiểu được nội dung, ý nghĩa của hình ảnh, chi tiết, câu văn; thái độ tình cảm của tác giả thể  hiện trong đoạn trích (thơ/ văn xuôi Trung đại).  + Hiểu được những vi phạm hay tuân thủ của phương châm hội thoại trong giao tiếp.  + Hiểu được và biết cách chuyển đổi cách dẫn trực tiếp, gián tiếp.  + Hiểu được các cách phát triển từ vựng.  + Hiểu được và giải thích được các thuật ngữ.  + Nhận xét/ suy nghĩ của học sinh về một vấn đề đặt ra trong đoạn trích (thơ, văn xuôi) bằng một đoạn văn.  + Kể chuyện kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận...   * Nắm được bố cục và cách thức làm bài văn tự sự . * Kết hợp các yếu tố miêu tả nội tâm, và nghị luận vào bài văn tự sự.   **2. Kĩ năng**:  Biết cách làm bài tự sự có bố cục rõ ràng, cân đối. Kĩ năng kết hợp các yếu tố miêu tả nội tâm, và nghị luận trong bài văn tự sự.  **3. Thái độ**: Qua các tác phẩm giáo dục học sinh những tình cảm đẹp.  **4. Năng lực**  - Năng lực tự chủ và tự học,  - Năng lực giao tiếp và hợp tác,   * Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. * Năng lực ngôn ngữ, * Năng lực thẩm mỹ   - Năng lực tin học. |  |
| **26** | | | **Kiểm tra giữa kì I** | **2** | **1. Kiến thức:** Kiểm tra đánh giá mức độ chuẩn kiến thức, kĩ năng được quy định trong chương trình Ngữ văn 9 với mục đích đánh giá năng lực đọc - hiểu và tạo lập văn bản của học sinh phần kiến thức căn bản nửa đầu học kỳ I.  **2. Kĩ năng:**  - Đọc - hiểu văn bản.  - Tạo lập văn bản (viết đoạn nghị luận và viết bài văn tự sự).  - Rèn luyện và phát huy năng lực cảm thụ văn học của HS.  **3. Thái độ:**  - Nghiêm túc, trung thực trong làm bài.  - Chủ động, tích cực trong việc lựa chọn hướng giải quyết vấn đề một cách hợp lý nhất.  - Trân trọng những giá trị sống tốt đẹp.  **4. Năng lực:**  - Năng lực hiểu, cảm thụ vẻ đẹp của tác phẩm thơ.  - Năng lực tạo lập văn bản.  - Năng lực sáng tạo. |  |
| **27** | | | **Tổng kết về từ vựng (tt)**  (Sự phát triển của từ vựng…trau dồi vốn từ) | **1** | **1. Kiến thức:**  - Các cách phát triển của từ vựng tiếng Việt.  - Các khái niệm từ mượn, từ Hán Việt, thuật ngữ, biệt ngữ xã hội.  **2. Kĩ năng:**  - Nhận diện được từ mượn, từ Hán Việt, thuật ngữ, biệt ngữ xã hội.  - Hiểu và sử dụng từ vựng chính xác trong giao tiếp, đọc – hiểu và tạo lập văn bản.  **3. Thái độ**: Có ý thức sử dụng từ mượn, từ Hán Việt, thuật ngữ, biệt ngữ xã hội phù hợp, chính xác trong giao tiếp.  **4. Năng lực:** năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực sáng tạo. | ***\* BSKT:***  ***Nghĩa và cách dùng tên viết tắt của các tổ chức quốc tế quan trọng.*** |
| **28** | | | **Nghị luận trong văn bản tự sự** | **1** | **1. Kiến thức:**  **-** Yếu tố nghị luận trong bài văn tự sự.  - Mục đích của việc sử dụng yếu tố nghị luận trong văn tự sự.  - Tác dụng của các yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự.  **2. Kĩ năng:**  **-** Nghị luận trong khi làm văn tự sự.  - Phân tích được các yếu tố nghị luận trong một văn bản nghị luận cụ thể.  **3. Thái độ:** Có ý thức đưa những bài học giáo dục vào trong các bài văn tự sự.  **4. Năng lực:** năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác . |  |
| **29** | | | **Đoàn thuyền đánh cá** | **2** | **1. Kiến thức:**  - Thấy được nguồn cảm hứng dạt dào của tác giả trong bài thơ viết về cuộc sống của người lao động trên biển cả những năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội.  - Những hiểu biết bước đầu về tác giả Huy Cận và hoàn cảnh ra đời của bài thơ.  - Cảnh đoàn thuyền ra khơi, đánh cá, ra về  **- Những hiểu biết về môi trường biển cũng cần được bảo vệ.**  **2. Kĩ năng:**  **-** Đọc – hiểu một tác phẩm thơ hiện đại.  - Phân tích được một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong bài thơ.  - Cảm nhận được cảm hứng về thiên nhiên và cuộc sống lao động của tác giả được đề cập đến trong tác phẩm.  **- Tìm hiểu về trách nhiệm bảo vệ môi trường.**  **3. Thái độ:**   * **Tự hào về vẻ đẹp của đất nước, có ý thức giữ gìn, bảo vệ .** * **Có ý thức bảo vệ môi trường biển.**   **4. Năng lực:** năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng CNTT, sử dụng ngôn ngữ, thẩm mĩ.  **5.Nội dung tích hợp:** môi trường |  |
| **30** | | | **Tổng kết về từ vựng (tt)**  (Từ tượng thanh, từ tượng hình, tu từ) | **2** | **1. Kiến thức:**  **-** Các khái niệm từ tượng thanh, từ tượng hình; phép tu từ so sánh, ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ, nói quá, nói giảm nói tránh, điệp ngữ, chơi chữ.  - Tác dụng của việc sử dụng các từ tượng hình, từ tượng thanh và phép tu từ trong các văn bản nghệ thuật.  **2. Kĩ năng:**  -Nhận diện từ tượng hình, từ tượng thanh. Phân tích giá trị của từ tượng hình, từ tượng thanh trong văn bản.  - Nhận diện phép tu từ so sánh, ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ, nói quá, nói giảm nói tránh, điệp ngữ, chơi chữ. Trong một văn bản. Phân tích tác dụng một số phép tu từ từ vựng trong một ngữ liệu cụ thể  **3. Thái độ**: Học sinh biết vận dụng và sử dụng đúng đắn ngôn ngữ dân tộc.  **4. Năng lực:** năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề | ***\* BSKT:***  ***Biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh và điệp vần: đặc điểm và tác dụng.***  ***(chọn ngữ liệu dạy phù hợp).*** |
| **31** | | | **Bếp lửa** | **2** | **1. Kiến thức**  - Những hiểu biết bước đầu về tác giả Bằng Việt và hoàn cảnh ra đời bài thơ.  - Những xúc cảm chân thành của tác giả và hình ảnh người bà giàu tình thương, giàu đức hi sinh.  - Việc sử dụng kết hợp các yếu tố tự sự, miêu tả, bình luận trong tác phẩm trữ tình  **2. Kỹ năng**  - Nhận diện, phân tích được các yếu tố miêu tả, tự sự, bình luận và biểu cảm trong bài thơ.  - Liên hệ để thấy được nỗi nhớ về người bà trong hoàn cảnh tác giả đang ở xa Tổ Quốc có mối liên hệ chặt chẽ với những tình cảm với quê hương, đất nước.  **3. Thái độ**  Yêu quí, trân trọng nâng niu tình cảm bà cháu.  **4. Năng lực**  - Năng lực tự chủ và tự học,  - Năng lực giao tiếp và hợp tác,  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực ngôn ngữ,  - Năng lực thẩm mỹ |  |
| **32** | | | **Trả bài KT giữa kì I** | **1** | **1. Kiến thức**  - HS củng cố kiến thức về văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm và nghị luận.  - Những kiến thức cơ bản về truyện Trung đại Việt Nam. Những thể loại chủ yếu, giá trị về nội dung và nghệ thuật của những tác phẩm tiêu biểu.  - Tác giả, tác phẩm,thể loại, nhân vật, hoàn cảnh, chi tiết tiêu biểu. Biết vận dụng viết thành đoạn văn cụ thể.  **2. Kĩ năng**:  - Biết cách làm bài tự sự có bố cục rõ ràng, cân đối. Kĩ năng kết hợp các yếu tố miêu tả nội tâm, và nghị luận trong bài văn tự sự.  - Phát hiện, khắc phục những thiếu xót của bản thân qua bài viết cụ thể  **3. Thái độ**: Nghiêm túc, trung thực, khách quan trong thi cử  **4. Năng lực**: năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, tư duy, sáng tạo, giao tiếp,…. |  |
| **33** | | | **Ánh trăng** | **2** | **1. Kiến thức**  - Kỉ niệm về một thời gian lao nhưng nặng nghĩa tình của người lính.  - Sự kết hợp các yếu tố tự sự, nghị luận trong một tác phẩm thơ Việt Nam hiện đại.  - Ngôn ngữ, hình ảnh giàu suy nghĩ, mang ý nghĩa biểu tượng.  **2. Kĩ năng**:  - Đọc – hiểu văn bản thơ được sáng tác sau năm 1975.  - Vận dụng kiến thức về thể loại và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm thơ để cảm nhận một văn bản trữ tình hiện đại.  **3. Thái độ:** trân trọng kỉ niệm gian lao nhưng nặng nghĩa tình của người lính.  **4. Năng lực**  - Năng lực tự chủ và tự học,  - Năng lực giao tiếp và hợp tác,  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Năng lực ngôn ngữ,  - Năng lực thẩm mỹ  **5.Nội dung tích hợp:** môi trường |  |
|  | | | Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ |  |  | ***(Khuyến khích học sinh tự đọc)*** |
| **34** | | | **Tổng kết về từ vựng**  (Luyện tập tổng hợp) | **1** | **1. Kiến thức:**  **-** Hệ thống các kiến thức về nghĩa của từ, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, trường từ vựng, từ tượng thanh, từ tượng hình, các biện pháp tu từ từ vựng .  - Tác dụng của việc sử dụng các phép tu từ trong các văn bản nghệ thuật.  **2. Kĩ năng:**  - Nhận diện được các từ vựng, các phép tu từ từ vựng trong văn bản.  - Phân tích tác dụng của việc lựa chọn, sử dụng từ ngữ và biện pháp tu từ trong văn bản.  **3. Thái độ**: Học sinh biết vận dụng và sử dụng đúng đắn ngôn ngữ dân tộc.  **4. Năng lực:** năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề**.** |  |
| **35** | | | **Luyện tập viết đoạn văn nghị luận có sử dụng yếu tố nghị luận** | **2** | **1. Kiến thức:**  **-** Đoạn văn tự sự.  - Các yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự.  **2. Kĩ năng:**  - Viết đoạn văncó sử dụng yếu tốnghị luận với độ dài trên 90 chữ.  - Phân tích được các yếu tố lập luận trong đoạn văn tự sự.  **3. Thái độ:** Có ý thức tích cực sử dụng yếu tố nghị luận khi viết đoạn văn tự sự.  **4. Năng lực:** năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác . |  |
| **36** | | | **Chương trình địa phương Phần Tiếng Việt** *(tham khảo: Bảo vệ mái trường-trích “Lũ chúng tôi” của Hoàng Văn Bổn)*  *- Những ngày thơ ấu* | **1** | **1. Kiến thức:**  **-** Từ ngữ địa phương chỉ sự vật, hoạt động, trạng thái, đặc điểm, tính chất.  - Sự khác biệt giữa các từ ngữ địa phương.  **2. Kĩ năng:**  - Nhận biết một số từ ngữ thuộc các phương ngữ khác nhau.  - Phân tích tác dụng của việc sử dụng phương ngữ trong một số văn bản.  **3. Thái độ:** Có ý thức sử dụng phương ngữ phù hợp.  **4. Năng lực:** năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác . |  |
| **37** | | | **Chủ đề tích hợp: Truyện hiện đại**  **- Làng**  **- Lặng lẽ Sa Pa**  **- Chiếc lược ngà**  **- Nghị luận về một tác phẩm truyện/đoạn trích**  **- Cách làm bài nghị luận về tác phẩm truyện/đoạn trích**  **- Luyện tập làm bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)-*thực hành lập dàn ý***  ***-* Ôn tập chủ đề (thực hành viết bài)** | **11** | **1. Kiến thức:**  **-** Nhân vật, sự việc, cốt truyện trong một tác phẩm truyện hiện đại.  - Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm; sự kết hợp với các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản tự sự hiện đại.  - Tình yêu làng, yêu nước, tinh thần kháng chiến của người nông dân Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Pháp.  **-** Vẻ đẹp của hình tượng con người thầm lặng cống hiến quên mình vì Tổ quốc trong tác phẩm.  - Nghệ thuật kể chuyện, miêu tả sinh động, hấp dẫn trong truyện.  **-** Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một đoạn truyện *Chiếc lược ngà.*  *-* Tình cảm cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.  - Sự sáng tạo nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, miêu tả tâm lí nhân vật.  - Những yêu cầu đối với bài văn nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).  - Cách tạo lập văn bản nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).  - Đề bài văn nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).  - Các bước làm bài nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích.  - Đặc điểm yêu cầu và cách làm bài văn nghị luận về tác phẩm truyện ( hoặc đoạn trích)  **2. Kĩ năng:**  **-** Đọc – hiểu văn bản truyện Việt Nam hiện đại được sáng tác trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp, chống Mĩ cứu nước.  - Vận dụng kiến thức về thể loại và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm truyện để cảm nhận một văn bản tự sự hiện đại.  **-** Nắm bắt diễn biết truyện và tóm tắt được truyện.  - Phân tích được nhân vật trong tác phẩm tự sự.  - Cảm nhận được một số chi tiết nghệ thuật độc đáo trong tác phẩm.  - Nhận diện được bài văn nghị luận vê tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) và kĩ năng làm bài nghị luận thuộc dạng này. Đưa ra được những nhận xét, đánh giá về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) đã học trong chương trình.  - Xác định yêu cầu nội dung và hình thức của một bài văn nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích.  - Tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn bài, viết bài, đọc lại bài viết và sửa chữa cho bài nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích  - Xác định các bước làm bài, viết bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) cho đúng với các yêu cầu đã học.  **3. Thái độ**: Giáo dục tình yêu quê hương đất nước  - Giáo dục học sinh có cách sống đẹp, vì mọi người  - Qua tác phẩm giáo dục học sinh có ý thức trân trọng tình cảm gia đình.  - Lên án chiến tranh.  - Học sinh có ý thức học tập nghiêm túc, nắm chắc cách làm những bài nghị luận này.  **4. Năng lực:**  - Năng lực tự chủ và tự học  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề  - Năng lực sáng tạo  **- Năng lực thưởng thức văn học**  **- Năng lực cảm thụ thẩm mĩ** | ***\* BSKT:***  ***- Đặc điểm của truyện hiện đại.***  ***- Đọc – hiểu 1-2 truyện trinh thám***  ***( đọc mở rộng)***  ***- Tiến hành được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn.*** |
| **38** | | | **Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự** | **2** | **1. Kiến thức:**  **-** Hiểu được vai trò của đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự.  - Biết văn bản tự sự có đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm.  **-** Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự.  - Tác dụng của việc sử dụng đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự.  **2. Kĩ năng:**  **-** Phân biệt được đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm.  - Phân tích được vai trò của đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự.  **3. Thái độ**:  - Có ý thức đưa đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự  **4. Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy. |  |
| **39** | | | **Ôn tập tiếng Việt**  (Các phương châm hội thoại… cách dẫn gián tiếp) | **2** | **1. Kiến thức:** Hệ thống hoá lại các vấn đề đã học: các phương châm hội thoại; xưng hô trong hội thoạicách dẫn trực tiếp - gián tiếp  2**. Kĩ năng:** Khái quát một số kiến thức tiếng Việt đã học về PCHT, xưng hô trong hội thoại, lời dẫn trực tiếp, lời dẫn gián tiếp.  3**. Thái độ**: Giáo dục học sinh ý thức, thái độ đúng đối với việc sử dụng các kiến thức trên  **4. Năng lực:**  - Năng lực tự chủ và tự học  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề |  |
| **40** | | | **Ôn tập Tập làm văn** | **2** | **1. Kiến thức:**  **-** Khái niệm văn bản thuyết minh và văn bản tự sự.  - Sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn bản thuyết minh, văn bản tự sự.  - Hệ thống văn bản thuộc kiểu văn bản thuyết minh và tự sự đã học.  **2. Kĩ năng:**  **-** Tạo lập văn bản thuyết minh và văn bản tự sự.  - Vận dụng kiến thức đã học để đọc – hiểu văn bản thuyết minh và văn bản tự sự.  **3. Thái độ:** nghiêm túc, trung thực, khách quan trong học tập  **4. Năng lực:** năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp. | ***\* BSKT:***  ***Viết được một quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động, sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ.*** |
| **41** | | | **Luyện nói: Tự sự kết hợp với nghị luận và miêu tả nội tâm** | **1** | **1. Kiến thức:**  **-** Tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự.  - Tác dụng của việc sử dụng các yếu tố tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong kể chuyện.  **2. Kĩ năng:**  **-** Nhận biết được các yếu tố tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong một văn bản .  - Sử dụng các yếu tố tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong văn kể chuyện.  **3. Thái độ:** Ý thức đưa nghị luận và miêu tả nội tâm vào văn tự sự  **4. Năng lực**:Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy,...... | ***\* BSKT:***  ***Biết kể một câu chuyện tưởng tượng (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện*,...).** |
|  | | | Người kể chuyện trong văn bản tự sự |  |  | *(****Khuyến khích HS tự đọc, tự làm*)** |
| **42** | | | **Ôn tập học kì I** | **3** | **1. Kiến thức**: Hệ thống những kiến thức về các tác phẩm văn học; kiến thức tiếng Việt; các kiểu bài- phân môn TLV  **2. Kĩ năng**: Hệ thống- vận dụng kiến thức ba phân môn đã học giải quyết vấn đề  **3. Thái độ**:  - Nghiêm túc, trung thực, khách quan trong học tập  - Có ý thức tự rèn cho bản thân kĩ năng dùng từ, đặt câu, tạo lập văn bản  - Qua các tác phẩm giáo dục học sinh những tình cảm đẹp về gia đình như bà cháu, cha con, mẹ con; tình yêu quê hương, tình bạn và đạo lí uống nước nhớ nguồn.  **4. Năng lực:** năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp. |  |
| **43** | | | **Cố hương** | **2** | **1. Kiến thức**  - Những đóng góp của Lỗ Tấn vào nền văn học Trung Quốc và văn học nhân loại.  - Tinh thần phê phán sâu sắc xã hội cũ và niểm tin vào sự xuất hiện tất yếu của cuộc sống mới, con người mới.  - Màu sắc trữ tình đậm đà trong tác phẩm.  - Những sáng tạo về nghệ thuật của nhà văn Lỗ Tấn trong truyện *Cố hương.*  **2. Kĩ năng**:  - Đọc – hiểu văn bản truyện hiện đại nước ngoài.  - Vận dụng kiến thức về thể loại và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm tự sự để cảm nhận một văn bản truyện hiện đại.  - Kể và tóm tắt được truyện.  **3. Thái độ**:  - Nghiêm túc, trung thực, khách quan trong học tập  - Qua các tác phẩm giáo dục học sinh tình cảm đẹp về gia đình, tình yêu quê hương, tình bạn và đạo lí uống nước nhớ nguồn.  **4. Năng lực:** năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.  **5. Nội dung tích hợp:** môi trường | ***(Phần chữ nhỏ không dạy)*** |
|  | | | Những đứa trẻ ( trích *Thời thơ ấu*) của M. Go-rơ-ki |  |  | ***(Khuyến khích HS tự đọc)*** |
| **44** | | | **Kiểm tra học kì I** | **2** | **1. Kiến thức:**  - Kiểm tra kiến thức đọc - hiểu một đoạn trích/ văn bản ngoài SGK.  - Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng trong chương trình học kì I, môn Ngữ văn lớp 9 theo ba nội dung: Văn bản, Tiếng Việt, Tập làm văn, với mục đích đánh giá năng lực đọc – hiểu và tạo lập văn bản của HS thông qua hình thức kiểm tra tự luận.  **2. Kĩ năng:**  Hệ thống- vận dụng kiến thức ba phân môn đã học giải quyết vấn đề  **3.Thái độ**:  Nghiêm túc, trung thực, khách quan trong thi cử  **4. Năng lực:** năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, sáng tạo |  |
| **45** | | | **Trả bài kiểm tra học kì I** | **1** | **1. Kiến thức**:  - Những kiến thức cơ bản về truyện Trung đại Việt Nam, thơ hiện đại. Những thể loại chủ yếu, giá trị về nội dung và nghệ thuật của những tác phẩm tiêu biểu.  - Tác giả, tác phẩm, thể loại, nhân vật, hoàn cảnh, chi tiết tiêu biểu. Biết vận dụng viết thành đoạn văn, bài văn cụ thể.  **2. Kĩ năng:** Tự nhận thức về những thiếu sót trong bài để khắc phục.  **3. Thái độ:** Có ý thức tự rèn cho bản thân kĩ năng dùng từ, đặt câu, viết đoạn văn/ bài văn.  **4. Năng lực:** giải quyết vấn đề, tự học |  |
| **46** | | | **Tổng hợp chương trình cuối học kì I** | **1** | **1. Kiến thức**:  - Văn bản: hệ thống hai giai đọan văn học trung đại và hiện đại  - Củng cố kiến thức tiếng Việt- TLV  **2. Kĩ năng:** hệ thống và khái quát kiến thức  **3. Thái độ:** nghiêm túc, trung thực, khách quan trong học tập  **4. Năng lực:** năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp. |  |
|  | | |  |  |  |  |
|  | | | **HỌC KÌ II**  17 tuần = 85 tiết (trong đó có 8 tiết gồm: ôn tập, kiểm tra, trả bài KT giữa kì và cuối kì) |  |  |  |
| **47** | | | **Chủ đề tích hợp: Nghị luận xã hội**  **- Bàn về đọc sách**  **- Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống**  **- Cách làm bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời**  **sống**  **- Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí**  **- Cách làm bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí** | **8** | **1. Kiến thức:**  - Ý nghĩa, tầm quan trọng của việc đọc sách và phương pháp đọc sách.  - Đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.  - Đối tượng của kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống  - Yêu cầu cụ thể khi làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống  - Đặc điểm, yêu cầu của bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.  - Cách làm bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.  - Hệ thống hóa những kiến thức cơ bản về văn bản nghị luận: Đặc điểm, nội dung, hình thức, cách tạo lập. Nắm được yêu cầu, bố cục, cách xây dựng đoạn và lời văn trong bài nghị luận.  2**. Kĩ năng:**  - Biết cách đọc, hiểu một văn bản dịch.  - Nhận ra bố cục chặt chẽ, hệ thống luận điểm rõ ràng trong một văn bản nghị luận.  **-**  Rèn luyện thêm cách viết một bài văn nghị luận.  - Làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống  - Kĩ năng tìm hiểu về môi trường.  - Nắm được bố cục của kiểu bài nghị luận này  - Quan sát các hiện tượng của đời sống  - Làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống  - Ra đề có liên quan đến đề tài môi trường  - Làm bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.  - Vận dụng kiến thức đã học để làm bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí.  - Biết viết bài văn có độ dài khoảng 450 chữ nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống, tư tưởng, đạo lý.  3**. Thái độ**:  - Có ý thức chọn sách và đọc sách đạt hiệu quả cao.  - Có thái độ sống tích cực, phù hợp xã hội và hoàn cảnh bản thân.  - Có thái độ sống tích cực, phù hợp xã hội và hoàn cảnh bản thân.  - Giáo dục kĩ năng sống: Có ý thức tìm hiểu môi trường xung quanh, có trách nhiệm với những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống.  - Giáo dục học sinh những bài học bổ ích khi làm bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí.  - Giáo dục học sinh hiểu hơn về truyền thống đạo lý của dân tộc.  **4. Năng lực:**  - Năng lực tự chủ và tự học  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề  - Năng lực sáng tạo  **-** Năng lực thưởng thức văn học  - Năng lực cảm thụ thẩm mĩ  - Năng lực Tin học | ***\* BSKT:***  ***- Quy trình viết.***  ***- Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự.***  ***- Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.***  ***- Tiến hành được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn.*** |
|  | | | Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới |  |  | ***(Khuyến khích học sinh tự đọc)*** |
| **48** | | | **Khởi ngữ** | **1** | **1. Kiến thức:**  - Đặc điểm của khởi ngữ  - Công dụng của khởi ngữ  **2. Kĩ năng:**  - Nhận diện khởi ngữ trong câu  - Đặt câu có khởi ngữ  **3. Thái độ:** Sử dụng khởi ngữ tốt nhờ biết vai trò của nó trong câu  **4. Năng lực:**  - Năng lực tự chủ và tự học  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề |  |
| **49** | | | **Phép phân tích và tổng hợp** | **1** | **1. Kiến thức:**  - Đặc điểm của phép lập luận phân tích và tổng hợp.  - Sự khác nhau giữa hai phép lập luận phân tích và tổng hợp.  -Tác dụng của hai phép lập luận phân tích, tổng hợp trong các văn bản nghị luận  Mục đích, đặc điểm, tác dụng của việc sử dụng phép phân tích và tổng hợp  **2. Kĩ năng:**  - Nhận diện được phép phân tích và tổng hợp .  - Vận dụng hai phép lập luận này khi tạo lập và đọc hiểu văn bản nghị luận.  **3. Thái độ**: Rèn kĩ năng vận dụng phép phân tích tổng hợp trong văn bản nghị luận.  **4. Năng lực:**  - Năng lực tự chủ và tự học  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề và  - Năng lực sáng tạo |  |
| **50** | | | **Luyện tập phép phân tích và tổng hợp** | **2** | **1. Kiến thức:**  Mục đích, đặc điểm, tác dụng của việc sử dụng phép phân tích và tổng hợp.  **2. Kĩ năng:**  - Nhận dạng được rõ hơn văn bản có sử dụng phép lập luận phân tích , tổng hợp.  - Sử dụng phép phân tích và tổng hợp thuần thục hơn khi đọc- hiểu và tạo lập văn bản nghị luận  **3. Thái độ**: Rèn kĩ năng vận dụng phép phân tích tổng hợp trong văn bản nghị luận.  **4. Năng lực:**  - Năng lực tự chủ và tự học  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề và  - Năng lực sáng tạo |  |
| **51** | | | **Tiếng nói của văn nghệ** | **2** | **1. Kiến thức:**  - Nội dung và sức mạnh của văn nghệ trong cuộc sống của con người.  - Nghệ thuật lập luận của nhà văn Nguyễn Đình Thi trong văn bản.  **2. Kĩ năng:**  - Đọc – hiểu 1 văn bản nghị luận  - Rèn luyện thêm cách viết một văn bản nghị luận.  - Thể hiện những suy nghĩ, tình cảm về một tác phẩm văn nghệ.  3**. Thái độ**:  Có ý thức yêu quý, trân trọng một tác phẩm văn nghệ.  **4. Năng lực:**  - Năng lực tự chủ và tự học  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề  - Năng lực sáng tạo  **-** Năng lực thưởng thức văn học  - Năng lực cảm thụ thẩm mĩ  - Năng lực Tin học |  |
|  | | | Chó Sói và Cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phông Ten |  |  | ***(Khuyến khích học sinh tự đọc)*** |
| **52** | | | **Các thành phần biệt lập** | **1** | **1. Kiến thức:**  - Đặc điểm các thành phần biệt lập: tình thái, cảm thán.  - Công dụng cácthành phần biệt lập: tình thái, cảm thán.  **2. Kĩ năng:**  - Nhận biết các thành phần biệt lập: tình thái, cảm thán.  - Rèn kĩ năng sử dụng các thành phần đó trong câu.  **3. Thái độ:** Có ý thức trong việc sử dụng thành phần biệt lập trong giao tiếp.  **4. Năng lực:**  - Năng lực tự chủ và tự học  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề |  |
| **53** | | | **Chương trình địa phương phần TLV: nghị luận SVHTĐS ở địa phương** (Tác động biến đổi khí hậu ở Đồng Nai) | **1** | **1. Kiến thức:**  - Cách vận dụng kiến thức về kiểu bài nghị luận về sự việc, hiện tượng đời sống.  - Những sự việc, hiện tượng có ý nghĩa ở địa phương.  **2. Kĩ năng:**  - Thu thập thông tin về những vấn đề nổi bật, đáng quan tâm của địa phương.  - Suy nghĩ, đánh giá về một sự việc, một hiện tượng địa phương.  - Làm một bài văn trình bày một vấn đề mang tính xã hội nào đó với suy nghĩ , kiến nghị của riêng mình. ( HS thực hiện ở nhà)  **3. Thái độ:** Có thái độ đánh giá về một sự việc, một hiện tượng địa phương.  **4. Năng lực:**  - Năng lực tự chủ và tự học  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề |  |
| **54** | | | **Các thành phần biệt lập(tt)** | **1** | **1. Kiến thức:**  - Đặc điểm các thành phần biệt lập phụ chú; gọi- đáp  - Công dụng cácthành phần biệt lập phụ chú; gọi- đáp  **2. Kĩ năng:**  - Nhận biết các thành phần biệt lập: phụ chú; gọi- đáp  - Đặt câu có sử dụng các thành phần phụ chú; gọi- đáp.  **3. Thái độ:** Có ý thức trong việc sử dụng thành phần biệt lập trong giao tiếp.  **4. Năng lực:**  - Năng lực tự chủ và tự học  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề |  |
| **55** | | | **Liên kết câu và liên kết đoạn văn** | **2** | **1.Kiến thức**:  - Liên kết nội dung và liên kết hình thức giữa các câu và các đoạn văn.  - Một số phép liên kết thường dùng trong việc tạo lập văn bản.  **2. Kĩ năng:**  - Nhận biết một số phép liên kết thường dùng trong việc tạo lập văn bản.  - Sử dụng một số phép liên kết câu, liên kết đoạn trong việc tạo lập văn bản.  **3.Thái độ:** Giáo dục học sinh có ý thức sử dụng một số phép liên kết câu, liên kết đoạn trong việc tạo lập văn bản.  **4. Năng lực:**  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề |  |
| **56** | | | **Luyện tập: Liên kết câu và liên kết đoạn văn** | **2** | **1.Kiến thức**:  - Một số phép liên kết thường dùng trong việc tạo lập văn bản.  - Một số lỗi liên kết có thể gặp trong văn bản.  **2. Kĩ năng:**  - Nhận biết được phép liên kết câu, liên kết đoạn trong văn bản.  - Nhận ra và sửa được 1 số lỗi về liên kết.  **3. Thái độ:** Giáo dục học sinh có ý thức sử dụng một số phép liên kết câu, liên kết đoạn trong việc tạo lập văn bản.  **4. Năng lực:**  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề |  |
| **57** | | | **Mùa xuân nho nhỏ** | **3** | **1. Kiến thức:**  - Vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên và mùa xuân đất nước.  - Lẽ sống cao đẹp của một con người chân chính.  **2. Kỹ năng:**  - Đọc - hiểu một văn bản thơ trữ tình hiện đại.  - Trình bày những suy nghĩ, cảm nhận về một hình ảnh thơ, một khổ thơ, một văn bản thơ.  **3. Thái độ:** Cảm nhận được những xúc cảm của nhà thơ trước mùa xuân của thiên nhiên, đất nước và khát vọng đẹp đẽ muốn làm một mùa xuân nho nhỏ. Từ đó mở ra những suy nghĩ về ý nghĩa, giá trị của cuộc sống của mỗi cá nhân là sống có ích, có cống hiến cho cuộc đời chung.  **4. Năng lực:**  - Năng lực tự chủ  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề  - Năng lực sáng tạo  **- Năng lực thưởng thức văn học**  **5.Nội dung tích hợp:** kĩ năng sống |  |
|  | | | Con cò |  |  | ***(Khuyến khích học sinh tự đọc)*** |
| **58** | | | **Viếng lăng Bác** | **2** | **1. Kiến thức**:  - Thấy được sáng tạo nghệ thuật độc đáo của tác giả thể hiện trong bài thơ.  - Những tình cảm thiêng liêng của tác giả, của một người con từ miền Nam ra viếng lăng Bác.  - Những đặc sắc về hình ảnh, tứ thơ, giọng điệu của bài thơ.  **2. Kĩ năng**:  - Đọc - hiểu một văn bản thơ trữ tình.  - Có khả năng trình bày những suy nghĩ, cảm nhận về một  hình ảnh thơ, một tác phẩm thơ.  **3.Thái độ:**  - Cảm phục và có ý thức rèn luyện những đức tính quý báu của Chủ tịch Hồ Chí Minh.  **4. Năng lực:**  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề  - Năng lực sáng tạo  - Năng lực cảm thụ thẩm mĩ,…..  **5.Nội dung tích hợp:** kĩ năng sống, tư tưởng HCM, giáo dục ANQP- tình cảm của nhân dân, bạn bè năm châu dành cho CT. HCM |  |
| **59** | | | **Hoạt động trải nghiệm Ngữ văn** - *Phụ nữ xưa và nay.* | **2** | **1- Kiến thức:**  - Tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong kể chuyện.  - Tác dụng của việc sử dụng các yếu tố tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong văn kể chuyện.  -  Dựa vào các tác phẩm văn học viết về người phụ nữ Việt Nam xưa và nay để hiểu thêm vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam.  **2. Kĩ năng:** Có khả năng trình bày những suy nghĩ, cảm nhận về người phụ nữ Việt Nam xưa và nay để hiểu thêm vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam qua 1 bài văn tự sự.  **3.Thái độ:**  - Cảm phục và trân trọng những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam.  **4. Năng lực:**  - NL sử dụng ngôn ngữ, tư duy, giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự học, đọc, tạo lập văn bản.  + Kĩ năng giao tiếp, trình bày, lắng nghe tích cực, đọc hợp tác, học theo nhóm, tìm kiếm và xử lí thông tin.v.v |  |
|  | | | ***Hoặc***  **Hoạt động trải nghiệm Ngữ văn** -*Vẻ đẹp thơ hiện đại* | **2** | **1. Kiến thức:**  - Học sinh cảm nhận được vẻ đẹp về thiên nhiên, con người, về tài nguyên,………. của đất nước qua các tác phẩm thơ hiện đại  - Nhận biết cái hay, đặc sắc nghệ thuật: từ ngữ, cách sử dụng hình ảnh, nhịp, vần,……qua một số bài thơ  - Hiểu tình cảm, cảm xúc của các tác giả và những suy nghĩ gợi lên từ tác phẩm  **2. Kỹ năng:**  - Đọc - hiểu văn bản thơ trữ tình hiện đại.  - Trình bày những suy nghĩ, cảm nhận về một hình ảnh thơ, một khổ thơ, một văn bản thơ.  **3. Thái độ:** Cảm nhận được những xúc cảm, ý nghĩa,…..từ các tác phẩm. Từ đó mở ra những suy nghĩ về ý nghĩa, giá trị của cuộc sống của mỗi cá nhân là sống có ích, có cống hiến cho cuộc đời chung.  **4. Năng lực:** Năng lực tự chủ; Năng lực giao tiếp và hợp tác**;** Năng lực ngôn ngữ**;** Năng lực giải quyết vấn đề; Năng lực sáng tạo**;** Năng lực thưởng thức văn học,….. |  |
| **60** | | | **Sang thu** | **2** | **1. Kiến thức:**  Vẻ đẹp của thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa và những suy nghĩ mang tính triết lí của tác giả.  **2. Kĩ năng:**  - Đọc hiểu một văn bản thơ trữ tình hiện đại.  - Thể hiện những suy nghĩ cảm nhận về một hình ảnh thơ, một khổ thơ, một tác phẩm thơ.  **3. Thái độ:** Bồi dưỡng tình cảm, tâm hồn yêu thiên nhiên, cảm nhận sự chuyển đổi tinh tế của thiên nhiên  **4. Năng lực:**  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề  - Năng lực sáng tạo  **- Năng lực thưởng thức văn học** |  |
| **61** | | | **Nói với con** | **2** | **1. Kiến thức:**  - Tình cảm thắm thiết của cha mẹ đối với con cái.  - Tình yêu và niềm tự hào về vẻ đẹp, sức sống mãnh liệt của quê hương. Hình ảnh và cách diễn đạt độc đáo của tác giả trong bài thơ.  **2. Kĩ năng:**  - Đọc - hiểu một văn bản thơ trữ tình.  - Phân tích cách diễn tả độc đáo, giàu hình ảnh, gợi cảm của thơ ca miền núi.  **3. Thái độ:** Giáo dục học sinh niềm tự hào với sức sống mạnh mẽ, bền bỉ của dân tộc mình.  **4. Năng lực:**  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề  - Năng lực sáng tạo  **- Năng lực thưởng thức văn học**  **5.Nội dung tích hợp:** kĩ năng sống |  |
| **62** | | | **Nghĩa tường minh và hàm ý** | **1** | **1. Kiến thức:**  - Khái niệm nghĩa tường minh và hàm ý.  - Tác dụng của việc tạo hàm ý trong giao tiếp hàng ngày.  Hai điều kiện sử dụng hàm ý liên quan đến người nói, người nghe.  **2. Kĩ năng:**  - Nhận biết được nghĩa tường minh và hàm ý ở trong câu.  - Giải đoán được hàm ý trong văn cảnh cụ thể.  - Sử dụng hàm ý sao cho phù hợp với tình huống giao tiếp.  **3. Thái độ:** Giáo dục học sinh tính chính xác trong khi xác định hàm ý.  Có ý thức trau dồi cách diễn đạt tế nhị đạt khi tham gia giao tiếp.  **4. Năng lực:**  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề |  |
| **63** | | | **Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ** | **1** | **1. Kiến thức**:  Đặc điểm, yêu cầu đối với bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.  **2. Kĩ năng:**  - Nhận diện được bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.  - Tạo lập văn bản nghị luận về một đọan thơ, bài thơ.  **3. Thái độ**: Giáo dục học sinh lòng ham muốn học văn.  **4. Năng lực:**  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề |  |
| **64** | | | **Cách làm bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ** | **1** | **1. Kiến thức**:  - Đặc điểm, yêu cầu đối với bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.  - Các bước làm bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ..  **2. Kĩ năng:**  - Tiến hành các bước làm bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.  - Tổ chức triển khai các luận điểm.  **3. Thái độ**: Giáo dục học sinh lòng ham muốn học văn.  **4. Năng lực:**  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề | ***\* BSKT:***  ***Quy trình viết.*** |
| **65** | | | **Mây và sóng** | **2** | **1. Kiến thức**:  - Tình mẫu tử thiêng liêng qua lời thủ thỉ chân tình của em bé với mẹ về những cuộc đối thoại tưởng tượng giữa em với những người sống trên mây và sóng.  - Những sáng tạo độc đáo về hình ảnh thơ qua trí tưởng tượng bay bổng của tác giả.  **- Giáo dục môi trường: Tìm hiểu về thiên nhiên qua hình ảnh mây và sóng.**  **2. Kỹ năng:**  - Đọc- hiểu một văn bản dịch thuộc thể loại thơ văn xuôi.  - Phân tích để thấy được ý nghĩa sâu sắc của bài thơ.  **- Ý thức bảo vệ môi trường thiên nhiên đẹp, trong lành**.  **3.Thái độ:** Giáo dục các em về tĩnh mẫu tử nói riêng và tình cảm gia đình nói chung.  **- Lồng ghép môi trường: Liên hệ mẹ và thiên nhiên.**  **4. Năng lực:**  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề  - Năng lực sáng tạo  **-** Năng lực thưởng thức văn học  **5.Nội dung tích hợp:** môi trường |  |
| **66** | | | **Ôn tập về thơ.** | **2** | **1. Kiến thức**:  Hệ thống những kiến thức về các tác phẩm thơ đã học.  **2. Kĩ năng:**  Tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức về các tác phẩm thơ đã học.  **3.Thái độ:**  Giáo dục học sinh tình yêu thơ.  **4. Năng lực:**  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề | ***\* BSKT:***  ***Đặc điểm của thơ hiện đại.*** |
| **67** | | | **Ôn tập giữa kì II** | **1** | **1. Kiến thức**:  - Ôn tập, củng cố kiến thức về Văn học, Tiếng Việt và Tập làm văn từ tuần 19 đến tuần 26 trong chương trình Ngữ văn 9 kì II.  - Nhận diện tác giả, tác phẩm.  - Nắm được những kiến thức về các tác phẩm thơ đã học.  - Những kiến thức phân môn tiếng Việt: Khởi ngữ, Các thành phần biệt lập, Nghĩa tường minh và hàm ý.  - Những kiến thức phân môn Làm văn:  + Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống ( NLXH)  + Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí ( NLXH)  + Phép phân tích và tổng hợp  + Liên kết câu và liên kết đoạn văn  **2. Kĩ năng**:  - Tổng hợp, hệ thống kiến thức về các tác phẩm thơ đã học.  - Tổ chức triển khai các luận điểm.  **3. Thái độ**: Giáo dục học sinh tình yêu thơ.  **4. Năng lực:**  - Năng lực giải quyết vấn đề  - Năng lực sáng tạo  - Năng lực thưởng thức văn học |  |
| **68** | | | **Kiểm tra giữa kì II** | **2** | **1. Kiến thức:** Kiểm tra đánh giá mức độ chuẩn kiến thức, kĩ năng được quy định trong chương trình Ngữ văn 9 với mục đích đánh giá năng lực đọc - hiểu và tạo lập văn bản của học sinh phần kiến thức căn bản nửa đầu học kỳ II.  **2. Kĩ năng**: xác định hệ thống luận điểm rõ ràng; sắp xếp hợp lý; lập luận phù hợp; sử dụng chứng cứ xác thực,…..  **3. Thái độ**: nghiêm túc khi làm bài; bày tỏ thái độ đồng tình/ phê phán,…..trước những vấn đề trong cuộc sống hàng ngày  **4. Năng lực:**  - Năng lực tự chủ  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề  - Năng lực sáng tạo |  |
| **69** | | | **Nghĩa tường minh và hàm ý (tt)** | **1** | **1. Kiến thức:**  Hai điều kiện sử dụng hàm ý liên quan đến người nói, người nghe.  **2. Kĩ năng:** Giải đoán và sử dụng hàm ý .  **3. Thái độ:**  - Giáo dục học sinh tính chính xác trong khi xác định hàm ý.  - Có ý thức trau dồi cách diễn đạt tế nhị đạt khi tham gia giao tiếp.  **4. Năng lực:**  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề |  |
| **70** | | | **Luyện nói: Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.** | **2** | **1. Kiến thức**:  Những yêu cầu đối với luyện nói khi bàn luận về một đoạn thơ, bài thơ trước tập thể.  **2. Kĩ năng:**  - Lập ý và cách dẫn dắt vấn đề khi nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.  - Trình bày miệng một cách mạch lạc những cảm nhận, đánh giá của mình về một đoạn thơ, bài thơ.  **3. Thái độ**: Giáo dục học sinh lòng ham muốn học văn.  **4. Năng lực:**  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề |  |
| **71** | | | **Tổng kết phần văn bản nhật dụng** | **2** | **1. Kiến thức**:  - Đặc trưng của văn bản nhật dụng là tính cập nhật của nội dụng.  - Những nội dung cơ bản của các văn bản nhật dụng đã học.  **2. Kĩ năng:**  - Tiếp cận một văn bản nhật dụng  - Tổng hợp và hệ thống hoá kiến thức.  **3. Thái độ**: Có ý thức tìm hiểu phương pháp học văn bản nhật dụng sao cho hiệu quả.  **4. Năng lực:**  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề | ***\* BSKT: Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ,...*** |
|  | | | Bến quê |  |  | ***Khuyến khích học sinh tự đọc*** |
| **72** | | | **Ôn tập phần Tiếng Việt** | **2** | **1. Kiến thức:** Hệ thống hoá lại các vấn đề đã học trong học kì II khởi ngữ, các thành phần biệt lập, liên kết câu và đoạn văn, nghĩa tường minh và hàm ý.  **2. Kĩ năng:**  - Rèn kĩ năng tổng hợp và hệ thống hoá các kiến thức đã học.  - Vận dụng những kiến thức đã học trong giao tiếp, đọc, hiểu văn bản.  **3. Thái độ**: Giáo dục học sinh ý thức, thái độ đúng đối với việc sử dụng các kiến thức trên  **4. Năng lực:**  - Năng lực tự chủ và tự học  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề |  |
| **73** | | | **Chương trình địa phương phần Tiếng Việt**  (Theo nội dung SGK biên soạn) | **1** | **1. Kiến thức:**  - Mở rộng vốn từ ngữ điạ phương.  - Hiểu tác dụng của từ ngữ đại phương.  **2. Kĩ năng:**  Nhận biết được một số từ ngữ địa phương, biết chuyển chúng sang từ ngữ toàn dân tương ứng và ngược lại.  **3. Thái độ**: Giáo dục học sinh ý thức, thái độ đúng đối với việc sử dụng từ ngữ địa phương.  **4. Năng lực:**  - Năng lực tự chủ và tự học  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề |  |
| **74** | | | **Những ngôi sao xa xôi** | **2** | **1. Kiến thức**:  - Vẻ đẹp tâm hồn trong sáng, tính cách dũng cảm, hồn nhiên trong cuộc sống chiến đấu nhiều gian khổ hi sinh nhưng vẫn lạc quan của các nhân vật nữ thanh niên xung phong trong truyện.  - Thành công trong việc miêu tả tâm lí nhân vật, lựa chọn ngôi kể, ngôn ngữ kể hấp dẫn.  **- Môi trường bị huỷ hoại nghiêm trọng trong chiến tranh**.  **2. Kỹ năng:**  - Đọc – hiểu một tác phẩm tự sự sáng tác trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước.  - Phân tích tác dụng của việc sử dụng ngôi kể thứ nhất xưng “tôi”  - Cảm nhận vẻ đẹp hình tượng nhân vật trong tác phẩm.  **3. Thái độ:**  - Học sinh biết trân trọng, nhớ ơn các thế hệ trước đã hi sinh bảo vệ nền độc lập của dân tộc.  - Bảo vệ môi trường là nhiệm vụ của toàn nhân loại.  **4. Năng lực:**  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề  - Năng lực thưởng thức văn học  **5.Nội dung tích hợp:** giáo dục môi trường, QPAN- những tấm gương gan dạ, mư trí của TNXP trong kháng chiến. | ***\* BSKT:***  ***- Lựa chọn câu đơn, câu ghép, các kiểu câu ghép, các kết từ để nối các vế câu ghép.***  ***- Tiến hành được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn.*** |
| **75** | | | **Trả bài Kiểm tra giữa HKII.** | **1** | **1. Kiến thức:**  **-** Thấy được ưu, khuyết điểm qua bài làm  - Giúp học sinh thấy được những kiến thức tiếng Việt đã vận dụng làm bài kiểm tra : Khởi ngữ, thành phần biệt lập, các biện pháp tu từ ... Những kiến thức về thơ hiện đại Việt Nam trong chương trình kỳ II.  **2. Kỹ năng** :  Rèn kỹ năng nhận biết,phân tích và đánh giá tác dụng của các hình thức nghệ thuật. Kỹ năng cảm thụ thơ hiện đại Việt Nam.  **3. Thái độ** *:*Lòng yêu thích bộ môn, có nhận thức đúng về nội dung của các kiến thức ngữ văn đã học.  **4. Năng lực:**  - Năng lực tự chủ và tự học  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề | ***\* BSKT: Một số lưu ý về tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.*** |
|  | | | Rô-bin-sơn ngoài đảo hoang. |  |  | ***(Khuyến khích HS tự đọc)*** |
| **76** | | | **Chương trình địa phương phần Tập làm văn**  **Thực hành: Trình bày sản phẩm - Nghị luận về sự việc, hiện tượng đời sống ở địa phương.** | **1** | **1. Kiến thức:**  - Những kiến thức về kiểu bài nghị luận về sự việc, hiện tượng của đời sống.  - Những sự việc, hiện tượng đời sống đáng chú ý ở địa phương.  **2. Kỹ năng** :  - Suy nghĩ, đánh giá vể một sự việc, hiện tượng của đời sống đáng chú ý ở địa phương.  - Làm một bài văn trình bày một vấn đề mang tính xã hội nào đó với suy nghĩ, kiến nghị của riêng mình.  **3. Thái độ** *:* Có ý thức hoàn thành bài văn trình bày một vấn đề mang tính xã hội nào đó với suy nghĩ, kiến nghị của riêng mình một cách tích cực.  **4. Năng lực:**  - Năng lực tự chủ và tự học  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề |  |
| **77** | | | **Biên bản - Luyện tập viết biên bản** | **2** | **1. Kiến thức:**  Mục đích, yêu cầu, nội dung của biên bản và các loại biên bản thường gặp trong cuộc sống.  **2. Kỹ năng** :  - Viết đước một biên bản sự vụ hoặc hội nghị.  - Viết được một biên bản hoàn chỉnh.  **3. Thái độ** *:* Có ý thức hoàn thành một biên bản hoàn chỉnh, phù hợp hoàn cảnh và đúng quy cách.  **4. Năng lực:**  - Năng lực tự chủ và tự học  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề | ***(Tập trung phần II,III bài Biên bản và phần II bài Luyện tập viết biên bản)*** |
| **78** | | | **Tổng kết về ngữ pháp** | **2** | **1. Kiến thức:** Hệ thống hóa kiến thức về các từ loại và cụm từ (danh từ, động từ, tính từ, cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ và những từ loại khác)  **2. Kỹ năng:**  - Tổng hợp kiến thức về từ loại và cụm từ.  - Nhận biết và sử dụng thành thạo những từ loại đã học.  **3. Thái độ:** Nắm cấu tạo chung của từng kiểu cụm từ và biết nhận diện cụm từ trong ngữ liệu cụ thể.  **4. Năng lực:**  - Năng lực tự chủ và tự học  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề | ***\* BSKT:***  ***Biến đổi và mở rộng cấu trúc câu.*** |
| **79** | | | **Ôn tập về truyện** | **2** | **1. Kiến thức:**  - Đặc trưng thể loại qua các yếu tố nhân vật, sự việc, cốt truyện.  - Những nội dung cơ bản của các tác phẩm truyện hiện đại Việt Nam đã học.  - Những đặc điểm nổi bật của các tác phẩm truyện đã học.  **2. Kỹ năng:**  Kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức về các tác phẩm truyện hiện đại Việt nam.  **3. Thái độ:** Có ý thức vận dụng tích cực các kiến thức đã học.  **4. Năng lực:**  - Năng lực tự chủ và tự học  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề |  |
| **80** | | | **Bố của Xi-mông** | **2** | **1. Kiến thức:**  Nỗi khổ của một đứa trẻ không có bố và những ước mơ, những khao khát của em.  **2. Kĩ năng:**  - Đọc - hiểu một văn bản dịch thuộc thể loại tự sự.  - Phân tích diễn biến tâm lí nhân vật.  - Nhận diện được những chi tiết miêu tả tâm trạng nhân vật trong văn bản tự sự  **3. Thái độ:** Đồng cảm, chia sẻ với những người gặp hoàn cảnh như Xi- mông và Chị Blăng- sốt.  **4. Năng lực:**  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề  - Năng lực cảm thụ thẩm mĩ | ***\* BSKT: Tiến hành được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn.*** |
|  | | | Con chó Bấc |  |  | ***(Khuyến khích HS tự đọc)*** |
| **81** | | | **Hợp đồng - Luyện tập viết hợp đồng** | **2** | **1. Kiến thức:**  - Đặc điểm, mục đích, yêu cầu, tác dụng của hợp đồng.  - Những kiến thức cơ bản về đặc điểm, chức năng, bố cục của hợp đồng.  **2. Kỹ năng:**  - Viết một hợp đồng đơn giản.  - Viết một hợp đồng đúng quy cách.  **3. Thái độ:** Có ý thức vận dụng tích cực các kiến thức đã học.  **4. Năng lực:**  - Năng lực tự chủ và tự học  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề | ***(Tập trung phần II,III bài Hợp đồng và phần II bài Luyện tập viết Hợp đồng)*** |
| **82** | | | **Tổng kết văn học nước ngoài** | **2** | **1. Kiến thức**:  Hệ thống hoá kiến thức về các tác phẩm nước ngoài đã học.  **2. Kĩ năng:**  - Tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức về các tác phẩm văn học nước ngoài.  - Liên hệ với những tác phẩm văn học Việt Nam có cùng đề tài.  **3. Thái độ***:* Có ý thức tìm hiểu, yêu thích học văn bản văn học nước ngoài.  **4. Năng lực:**  - Năng lực tự chủ và tự học  - Năng lực giải quyết vấn đề  - Năng lực thưởng thức văn học |  |
| **83** | | | **Tổng kết phần Tập làm văn.** | **3** | **1. Kiến thức**:  - Đặc trưng của từng kiểu văn bản và phương thức biểu đạt đã được học.  - Sự khác nhau giữa kiểu văn bản và thể loại văn học.  **2. Kĩ năng:**  - Tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức về các kiểu văn bản đã học.  - Đọc – hiểu các kiểu văn bản theo đặc trưng của kiểu văn bản ấy.  - Nâng cao năng lực đọc và viết các kiểu văn bản thông dụng.  - Kết hợp hài hoà, hợp lí các kiểu văn bản trong thực tế làm bài.  **3. Thái độ***:* Có ý thức vận dụng kiến thức về kiểu văn bản đã học.  **4. Năng lực:**  - Năng lực tự chủ và tự học  - Năng lực giải quyết vấn đề  - Năng lực thưởng thức văn học | ***\* BSKT: Kiểu văn bản và thể loại: Chú ý phân biệt kiểu văn bản và thể loại.*** |
|  | | | Thư, điện |  |  | ***(Khuyến khích HS tự học)*** |
| **84** | | | **Tổng kết Văn học** | **2** | **1. Kiến thức**:  - Những hiểu biết ban đầu về lịch sử văn học Việt Nam  - Một số khái niệm liên quan đến thể loại văn học đã học.  **2. Kĩ năng:**  - Hệ thống hoá những tri thức đã học về các thể loại văn học gắn với từng thời kì.  - Đọc – hiểu tác phẩm theo đặc trưng của thể loại.  **3. Thái độ***:* Có ý thức tìm hiểu, yêu thích các tác phẩm văn học Việt nam đã học.  **4. Năng lực:**  - Năng lực tự chủ và tự học  - Năng lực giải quyết vấn đề  - Năng lực thưởng thức văn học | ***\* BSKT: Thơ song thất lục bát*** |
|  | | | Bắc Sơn |  |  | ***(Khuyến khích HS tự đọc)*** |
|  | | | Tôi và chúng ta (trích cảnh ba) của Lưu Quang Vũ |  |  | ***(Khuyến khích HS tự đọc)*** |
| **85** | | | **Tổng kết về ngữ pháp (tt)** | **2** | **1. Kiến thức:** Hệ thống hóa kiến thức về câu (các thành phần câu, các kiểu câu, biến đổi câu ) đã học từ lớp 6 đến lớp 9.  **2. Kỹ năng:**  - Tổng hợp kiến thức về câu.  - Nhận biết và sử dụng thành thạo những kiểu câu đã học.  **3. Thái độ:** có ý thức tích cực tìm hiểu, nắm cấu tạo chung của từng kiểu câu và biết nhận diện câu trong ngữ liệu cụ thể.  **4. Năng lực:**  - Năng lực tự chủ và tự học  - Năng lực giao tiếp và hợp tác  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề | ***\* BSKT: Biến đổi và mở rộng cấu trúc câu.*** |
| **86** | | | **Hoạt động trải nghiệm Ngữ văn - *thực hành viết nghị luận về một bài thơ/ đoạn thơ*** | **2** | **1. Kiến thức:**  - Đặc điểm, yêu cầu đối với bài nghị luận về một bài thơ/ đoạn thơ  - Các bước làm bài văn nghị luận về một bài thơ/ đoạn thơ  **2. Kỹ năng:**  **-** Tiến hành các bước làm bài văn nghị luận về một bài thơ/ đoạn thơ  **-** Tổ chức triển khai các luận điểm.  **3. Thái độ:** Giáo dục học sinh lòng yêu thích học văn, làm tốt kiểu bài này.  **4. Năng lực**:  Năng lực phân tích, cảm thụ, so sánh đối chiếu,…. |  |
| **87** | | | **Ôn tập học kì II** | **3** | **1. Kiến thức**: Đặc điểm, yêu cầu và cách làm bài văn nghị luận về bài thơ (hoặc đoạn thơ).  **2. Kỹ năng:** Xác định các bước làm bài, viết bài nghị luận về về bài thơ (hoặc đoạn thơ) đúng với các yêu cầu đã học.  **3. Thái độ**: Học sinh có ý thức học tập nghiêm túc, nắm chắc cách làm những bài nghị luận này.  **4. Năng lực:**  - Năng lực phân tích ý thơ, đoạn thơ và bài thơ.  - Vận dụng kiến thức đã học để làm một bài văn nghị luận văn học, ứng dụng vào thực tế. |  |
| **88** | | | **Ôn luyện** | **3** | **1. Kiến thức:**  - Ôn tập các nội dung cơ bản của cả 3 phần trong SGK *ngữ văn 9*, trước hết là tập hai.  - Tích hợp toàn diện với Tiếng Việt, Tập làm văn và đời sống.  **2. Kĩ năng:** Biết cách vận dụng những kiến thức và kĩ năng ngữ văn đã học một cách tổng hợp, toàn diện theo nội dung và cách thức kiểm tra, đánh giá mới.  **3. Thái độ:** Lồng ghép kĩ năng sống.  **4. Năng lực:**  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề |  |
| **89** | | | **Kiểm tra cuối kì II** | **2** | **1. Kiến thức**:  - Kiểm tra kiến thức đọc - hiểu một đoạn trích/ văn bản ngoài SGK.  - Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng trong chương trình học kì II, môn Ngữ văn lớp 9 theo ba nội dung: Văn bản- Tiếng Việt- Tập làm văn, với mục đích đánh giá năng lực đọc – hiểu và tạo lập văn bản của HS thông qua hình thức kiểm tra tự luận.  **2. Kĩ năng:** Hệ thống- vận dụng kiến thức ba phân môn đã học giải quyết vấn đề  **3.Thái độ**: Nghiêm túc, trung thực trong thi cử  **4. Năng lực:** năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, sáng tạo. |  |
| **90** | | | **Trả bài KT cuối kì II** | **1** | **1. Kiến thức**:  - Những kiến thức cơ bản về truyện Trung đại Việt Nam, thơ hiện đại. Những thể loại chủ yếu, giá trị về nội dung và nghệ thuật của những tác phẩm tiêu biểu.  - Tác giả, tác phẩm, thể loại, nhân vật, hoàn cảnh, chi tiết tiêu biểu. Biết vận dụng viết thành đoạn văn, bài văn cụ thể.  **2. Kĩ năng:** Tự nhận thức về những thiếu sót trong bài để khắc phục.  **3. Thái độ:** Có ý thức tự rèn cho bản thân kĩ năng dùng từ, đặt câu, viết đoạn.  **4. Năng lực:**  - Năng lực ngôn ngữ  - Năng lực giải quyết vấn đề |  |
| **91** | | | **Tổng hợp chương trình cuối năm** | **1** | **1. Kiến thức**:  - Văn bản: hệ thống thơ và truyện hiện đại  - Củng cố kiến thức tiếng Việt- TLV  **2. Kĩ năng:** hệ thống và khái quát kiến thức  **3. Thái độ:** nghiêm túc, trung thực, khách quan trong học tập  **4. Năng lực:** năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp |  |

**2.Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

**Ngữ Văn 6**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 90 phút | Tuần 10 | 1. Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích)..  **Nhận biết:**  - Nhận biết được những dấu hiệu đặc trưng của thể loại truyện cổ tích; truyền thuyết... chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Nhận biết được người kể chuyện và ngôi kể.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu  - Hiểu được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ.  - Hiểu và lí giải được chủ đề của văn bản.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy);  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học từ văn bản.  - Nhận xét, đánh giá được ý nghĩa, giá trị tư tưởng hoặc đặc sắc về nghệ thuật của văn bản.  2. Thơ lục bát  **Nhận biết:**  - Nêu được ấn tượng chung về văn bản.  **-** Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của bài thơ lục bát.  - Nhận diện được các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.  - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  **Thông hiểu**:  - Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.  - Chỉ ra tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.  - Hiểu được tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và một số cấu trúc câu phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản.  **Vận dụng:**  - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản.  - Đánh giá được giá trị của các yếu tố vần, nhịp  3. Kể lại một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích. | Viết trên giấy |